TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 285/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29-8-2023
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Việt Xô.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Việt Thắng.

Ông Hồ Quang Minh.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Cẩm Hường là Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần văn Thời tham gia phiên tòa: Bà Phạm Huỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 358/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2023 về "Tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 261/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Duy Kim H, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Việt T, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng N (vắng mặt).

Địa chỉ: Số B, L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội (Chi nhánh huyện T, tỉnh Cà Mau; địa chỉ: Khóm I, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án bà Duy Kim H trình bày: Bà và ông Huỳnh Việt T tự nguyện thành hôn vào năm 1992, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do bất đồng quan điểm, lối sống, ông T không chung thuỷ do không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu ly hôn với ông T.

Thời gian chung sống, bà và ông T có 03 con chung tên Huỳnh Tứ X, sinh năm 1992, Huỳnh Thúy H1, sinh năm 1992 và Huỳnh Kim H2, sinh ngày 17/10/2009. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu nuôi cháu Kim H2, yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con thành niên; đối với cháu X và cháu Thúy H1 đã thành niên, nên không đặt ra yêu cầu.

Về tài sản chung: Bà và ông T có tổng diện tích đất 10.131m^2 tại các thửa 651, 654, tờ bản đồ số 14 theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG 565841, DG 565842 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh C cấp cho bà Duy Kim H và ông Huỳnh Việt T vào năm 2022; đất toạ lạc ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Tại Đơn khởi kiện bổ sung ngày 19/6/2023, bà yêu cầu chia đôi tổng diện tích đất, theo đó bà yêu cầu nhận phần đất có diện tích 5.065m^2 có tiền, có hậu.

Đến ngày 20/7/2023, bà có yêu cầu rút lại yêu cầu chia tài sản chung và tại phiên toà bà không đặt ra yêu cầu chia tài sản chung.

Về nợ chung: Bà và ông T có nợ Ngân hàng N- Chi nhánh huyện T, tỉnh Cà Mau khoảng 110.000.000 đồng. Tại Đơn khởi kiện bổ sung ngày 19/6/2023, bà yêu cầu chia đôi tổng nợ chung, theo đó bà nhận trách nhiệm trả nợ khoảng 55.000.000đ và trả lãi phát sinh.

Đến ngày 20/7/2023, bà có yêu cầu rút lại yêu cầu chia nợ chung và tại phiên toà bà không đặt ra yêu cầu chia nợ chung.

Đối với Huỳnh Kim H2 là con chung của bà H và ông T có nguyện vọng ở cùng bà H.

Đối với ông Huỳnh Việt T, Ngân hàng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do và không có ý kiến phản hồi.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đương sự có mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Đối với đương sự vắng mặt không chấp hành theo quy định.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Duy Kim H: Chấp nhận cho bà Duy Kim H được ly hôn với ông Huỳnh Việt T; bà H nuôi con chung tên Huỳnh Kim H2, sinh ngày 17/10/2009 hiện đang ở cùng bà, ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000 đồng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi con đã thành niên; đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà H về việc yêu cầu chia tài sản chung và chia nợ chung; bà H và ông T chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ việc theo yêu cầu của bà Duy Kim H được Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông Huỳnh Việt T, Ngân hàng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[3] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T được xác lập vào năm 1992, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập có hiệu lực nên hôn nhân được xác định là hợp pháp, nay có yêu cầu ly hôn, Tòa án căn cứ vào những quy định về chấm dứt hôn nhân theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết.

Quá trình bà H và ông T chung sống thực tế có xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu là có sự bất hòa nhau trong đời sống vợ chồng và không tin tưởng lẫn nhau làm cho cuộc sống không hạnh phúc. Thời gian kéo dài nhưng đôi bên vẫn không tìm được biện pháp hữu hiệu để xoa dịu mâu thuẫn nhằm hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, bản thân bà Hoa cương q ly hôn trong khi đó ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không có ý kiến phản hồi điều đó cho thấy ông T không có thiện chí để hàn gắn. Thực tế, đã có sự vi phạm nghiêm trọng về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà H được ly hôn với ông T là đúng với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà H và ông T có 03 con chung, đối với Huỳnh Tứ X và Huỳnh Thúy H1 đã thành niên, đương sự không đặt ra yêu cầu, nên không xem xét. Đối với Huỳnh Kim H2 chưa thành niên, sau khi ly hôn bà H yêu cầu nuôi cháu Kim H2, ông T không có ý kiến gì về việc nuôi con và thực tế cháu Kim H2 có nguyện vọng ở cùng bà H. Do đó, chấp nhận giao con chung tên Huỳnh Kim H2 cho bà H nuôi là đúng theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của bà H về việc cấp dưỡng cho con, Hội đồng xét xử thấy rằng Huỳnh Kim H2, sinh ngày 17/10/2009 là con chung của bà H và ông T nên bà H và ông T phải cùng có trách nhiệm, ông T không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định tại Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình. Xét nhu cầu thiết yếu của việc nuôi con và yêu cầu của bà H nên buộc ông T cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi con thành niên.

Ông T phải chịu lãi suất nếu chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ông T không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Trong quá trình tố tụng, bà H có yêu cầu chia tài sản chung. Sau đó, bà H rút lại yêu cầu và không đặt ra yêu cầu chia tài sản chung. Xét thấy, việc rút yêu cầu của bà H là hoàn toàn tự nguyện; Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà H về việc yêu cầu chia tài sản chung.

[6] Về nợ chung: Trong quá trình tố tụng, bà H có yêu cầu chia nợ chung. Sau đó, bà H rút lại yêu cầu và không đặt ra yêu cầu chia nợ chung. Đồng thời, ngày 08/8/2023, Tòa án đã có Công văn yêu cầu Ngân hàng N xác định khoản nợ vay và yêu cầu có liên quan đến khoản nợ vay nhưng Ngân hàng không có văn bản phúc đáp trong thời hạn ấn định. Do Ngân hàng không có ý kiến đối với khoản nợ vay nên Hội

đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong cùng vụ án này. Trường hợp sau này đương sự có yêu cầu giải quyết sẽ yêu cầu bằng vụ kiện khác.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và đúng quy định, nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Bà Duy Kim H và ông Huỳnh Việt T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Phần tạm ứng án phí bà H đã nộp được khấu trừ.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 3 Điều 218; khoản 2 Điều 227; Điều 235; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Duy Kim H được ly hôn với ông Huỳnh Việt T.

2. Về con chung: Bà H nuôi con tên Huỳnh Kim H2, sinh ngày 17/10/2009 hiện đang ở cùng bà, ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000 đồng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi con đã thành niên.

Kể từ khi bà H có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông T chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng ông T còn phải chịu thêm phần lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ông T có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của bà H.

Vì lợi ích của con chưa thành niên nên ông T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và bà H có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà H về việc yêu cầu chia tài sản chung và chia nợ chung.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch bà Duy Kim H phải chịu 300.000 đồng, bà H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006786 ngày 23/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được khấu trừ. Ngày 19/6/2023 bà H tiếp tục nộp tạm ứng án phí 5.065.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006902 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được nhận lại.

Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch (cấp dưỡng) ông Huỳnh Việt T phải chịu 300.000 đồng.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần văn Thời;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Khánh Hưng (Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Việt Xô